

Số: 91 /QĐ-MNĐS

Định Sơn, ngày 30 tháng 6 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai quyết toán thu - chi Nguồn Ngân sách, nguồn học phí, các khoản thu Quý II năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ- ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017 TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc giao kế hoạch chi ngân sách, thu chi nguồn học phí năm 2024,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thu - chi ngân sách, nguồn học phí, các khoản thu học kỳ 2 năm 2025 của Trường mầm non Định Sơn. (Theo các biểu đính kèm) .

Hình thức công khai: Dán tại bảng thông tin phòng họp hội đồng nhà trường và đọc công khai các cuộc họp hàng tháng trong hội đồng sư phạm, đăng tải trên trang điện tử nhà trường <http://mncamding.camgiang.edu.vn>.

**Điều 2:** Các đồng chí trong BGH, kế toán, thủ quỹ và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Lưu :VT, KT



Vũ Thị Bảy

Định Sơn, ngày 30 tháng 6 năm 2025

**Thông Báo**

**Niêm yết báo cáo công khai quyết toán thu - chi ngân sách, nguồn học phí,  
các khoản thu - chi quý 2 năm 2025**

**I. Thời gian:** Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**II. Địa điểm:** Tại Văn phòng trường MN Định Sơn

**III. Thành phần gồm:**

|                        |                       |           |
|------------------------|-----------------------|-----------|
| 01 Bà: Vũ Thị Bầy      | - Hiệu trưởng         | - Chủ tọa |
| 02 Bà: Phạm Thị Then   | - Phó hiệu trưởng     | - Ủy viên |
| 03 Bà: Bùi Thị Huế     | - Phó hiệu trưởng     | - Ủy viên |
| 04 Bà: Phạm Thị Thương | - Thanh tra nhân dân  | - Ủy viên |
| 05 Bà: Vũ Lệ Huyền     | - Tổ trưởng tổ 5 tuổi | - Ủy viên |
| 06 Bà: Nguyễn Thị Ngọc | - Tổ trưởng tổ 4 tuổi | - Ủy viên |
| 07 Bà: Bùi Thị Mai     | - Tổ trưởng tổ 3 tuổi | - Ủy viên |
| 08 Bà: Vũ Thị Miện     | - Tổ trưởng NT        | - Ủy viên |
| 09 Bà: Vương Thị Thoan | - Tổ trưởng tổ VP     | - Thư ký  |
| 10 Bà: Nguyễn Thị Thơi | - Giáo viên - Thủ quỹ | - Ủy viên |

Lập thông báo về việc niêm yết công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước được cấp, nguồn học phí, các khoản thu quý 2 năm 2025 của trường Mầm non Định Sơn bằng hình thức Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc.

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ; 17h05' ngày 30 tháng 6 năm 2025 đến 17h05' ngày 30 tháng 7 năm 2025 (30 ngày liên tục). Thực hiện niêm yết công khai thu - chi tại nơi thuận tiện cho mọi người trong đơn vị và phụ huynh học sinh, người dân trên địa bàn được biết;

Việc niêm yết này thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục đúng thời gian quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Thư ký



Wang Thi Thoan

Chữ ký các thành viên:



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG  
MẦM NON  
ĐỊNH SƠN

Vũ Thị Bầy

Phạm Thị Then

Phạm Thị Thương

Bùi Thị Mai

Bùi Thị Huế

Vũ Lệ Huyền

Vũ Thị Miện

Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị Thơi

# QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Quý II năm 2025



(Kèm theo Quyết định số 91/QĐ-MNDS ngày 30/6/2025 của Trường Mầm non Định Sơn)  
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung                                       | Số liệu báo cáo quyết toán | Số liệu quyết toán được duyệt | Trong đó  |                   |                   |
|-----|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------|-------------------|-------------------|
|     |                                                |                            |                               | Quỹ lương | Mua sắm, sửa chữa | Trích lập các quỹ |
| I   | Quyết toán thu                                 |                            |                               |           |                   |                   |
| A   | Tổng số thu                                    | 212                        | 212                           |           |                   |                   |
| 1   | Số thu phí, lệ phí                             |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.1 | Lệ phí                                         |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.2 | Phí                                            |                            |                               |           |                   |                   |
| 2   | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ             | 212                        | 212                           |           |                   |                   |
| 3   | Thu sự nghiệp khác                             |                            |                               |           |                   |                   |
| B   | Chi từ nguồn thu được để lại                   | 2.638                      | 2.638                         | 2.205     |                   |                   |
| 1   | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.1 | Chi sự nghiệp .....                            |                            |                               |           |                   |                   |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                            |                               |           |                   |                   |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.2 | Chi quản lý hành chính                         |                            |                               |           |                   |                   |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                            |                               |           |                   |                   |
| b   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                            |                               |           |                   |                   |
| 2   | Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ                 | 2.638                      | 2.638                         | 2.205     |                   |                   |
| 3   | Hoạt động sự nghiệp khác                       |                            |                               |           |                   |                   |
| C   | Số thu nộp NSNN                                |                            |                               |           |                   |                   |
| 1   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.1 | Lệ phí                                         |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.2 | Phí                                            |                            |                               |           |                   |                   |
| 2   | Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ                 |                            |                               |           |                   |                   |
| 3   | Hoạt động sự nghiệp khác                       |                            |                               |           |                   |                   |
| II  | Quyết toán chi ngân sách nhà nước              | 3.407                      | 3.407                         | 2.529     | 813               |                   |
| 1   | Chi quản lý hành chính                         |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                            |                               |           |                   |                   |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                            |                               |           |                   |                   |
| 2   | Nghiên cứu khoa học                            |                            |                               |           |                   |                   |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                            |                               |           |                   |                   |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                            |                               |           |                   |                   |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |                            |                               |           |                   |                   |
|     | - Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở                  |                            |                               |           |                   |                   |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                            |                               |           |                   |                   |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                            |                               |           |                   |                   |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề      | 3.407                      | 3.407                         | 2.529     | 813               |                   |

Cẩm Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2025

**BIÊN BẢN**

**Thu hồi niêm yết công khai**

**Quyết toán nguồn Ngân sách, học phí, các khoản thu Quý 2 năm 2025**

**I. Thời gian:** 16 giờ 10 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2025.

**II. Địa điểm:** Tại Văn phòng Trường mầm non Định Sơn

**III. Thành phần gồm:**

|                        |                       |           |
|------------------------|-----------------------|-----------|
| 01 Bà: Vũ Thị Bầy      | - Hiệu trưởng         | - Chủ tọa |
| 02 Bà: Phạm Thị Then   | - Phó hiệu trưởng     | - Ủy viên |
| 03 Bà: Bùi Thị Huế     | - Phó hiệu trưởng     | - Ủy viên |
| 04 Bà: Phạm Thị Thương | - Thanh tra nhân dân  | - Ủy viên |
| 05 Bà: Vũ Lệ Huyền     | - Tổ trưởng tổ 5 tuổi | - Ủy viên |
| 06 Bà: Nguyễn Thị Ngọc | - Tổ trưởng tổ 4 tuổi | - Ủy viên |
| 07 Bà: Bùi Thị Mai     | - Tổ trưởng tổ 3 tuổi | - Ủy viên |
| 08 Bà: Vũ Thị Miện     | - Tổ trưởng NT        | - Ủy viên |
| 09 Bà: Vương Thị Thoan | - Tổ trưởng tổ VP     | - Thư ký  |
| 10 Bà: Nguyễn Thị Thơi | - Giáo viên - Thủ quỹ | - Ủy viên |

**IV. Nội dung**

Tổ chức thu hồi niêm yết báo cáo Niêm yết công khai quyết toán nguồn Ngân sách, học phí, các khoản thu Quý II năm 2025.

Trong thời gian niêm yết tại văn phòng nhà trường Bắt đầu từ 17h05' ngày 30 tháng 6 năm 2025 đến 17h05' ngày 30 tháng 7 năm 2025 (30 ngày liên tục). Ban giám hiệu nhà trường không nhận được bất kì một ý kiến thắc mắc nào.

Biên bản được đọc cho tất cả các thành viên cùng nghe và nhất trí 100% cùng kí vào biên bản.

Cuộc họp kết thúc 17 giờ 10 phút cùng ngày.

THƯ KÝ



**Vương Thị Thoan**



**Chữ ký các thành viên**

 Phạm Thị Then

 Nguyễn Thị Ngọc

 Bùi Thị Huế

 Bùi Thị Mai

 Phạm Thị Thương

 Vũ Thị Miện

 Vũ Lệ Huyền

 Nguyễn Thị Thơi